

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 22 đến ngày 30/11/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 60mm như: Lào Cai 75.3mm, Bắc Hà (Lào Cai) 66.2mm, Sa Pa (Lào Cai) 89.8mm, Yên Bái 62.5mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 56%. + Trên sông Lô: Lưu lượng tại trạm Tuyên Quang ở mức thấp hơn so với tuần trước và ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế thấp hơn so với 7 ngày trước; so với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn 70%. + Trên sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng bởi điều tiết của các hồ chứa thủy điện tuyến trên (trong tuần hồ Hòa Bình đã điều tiết mở 01 cửa xả đáy 14h/20/11 và đóng cửa xả đáy lúc 5h/22/11). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 27%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: phổ biến 0-5mm, có nơi trên 10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm nhưng vẫn ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 13%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ tăng so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 45%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước và dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 32%. + Trên sông Hồng: Hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ cao hơn TBNN cùng kỳ 55%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-20mm, có nơi trên 40mm như: Mẫu Sơn (Lạng

Sơn) 41.6mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 72%. + Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ít biến đổi so với kì trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 72%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 0-5mm, có nơi trên 10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 115%. + Trên sông Lục Nam, dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 75%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
Tổng lượng mưa: Thanh Hóa, Nghệ An phổ biến 20-50mm; từ Hà Tĩnh đến Tp. Huế phổ biến 100-200mm, có nơi trên 350mm như Kỳ Anh (Hà Tĩnh) 373.9mm, Khe Sanh (Quảng Trị) 364.2mm, Nam Đông (TP. Huế) 398.8mm,....
Tổng lượng dòng chảy: + Trong tuần, lưu lượng trên các sông giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 71%, sông Cả tại Yên Thượng cao hơn 9%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 58%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 100%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 17-20/11, trên các sông từ Quảng Trị đến Tp. Huế đã xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông ở mức BĐ2-BĐ3, có nơi trên BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 172%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, cục bộ có nơi trên 50mm; riêng TP. Huế phổ biến 100-200mm, có nơi trên 300mm.
Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong tuần tới, lưu lượng trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN 69%, sông Cả tại Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 24%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 42%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Những ngày đầu tuần, dòng chảy trên các sông khả năng tăng cao sau giảm dần, lưu lượng thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 85%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 400-800mm, có nơi trên 1000mm như: Bà Nà (Tp. Đà Nẵng) 296mm, Hội An (Đà Nẵng) 375.1mm, ...
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 17-20/11, trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi đã xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên các sông phổ biến ở mức BĐ2-BĐ3, có nơi trên BĐ3. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn 180% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 239%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, đã xảy ra một trận lũ lớn lịch sử, đỉnh lũ tại trạm Củng Sơn là 40,99m (01 giờ ngày 20/11), trên BĐ3 6,49m, vượt mức lũ lịch sử (năm 1993) 1,09m; tại trạm Phú Lâm là 5,40m (03 giờ ngày 20/11), trên BĐ3 1,70m, vượt lũ lịch sử năm 1993 (5,21m) 0,19m. Đỉnh lũ tại trạm Đồng Trăng là 13,14m (lúc 5 giờ ngày 20/11), trên mức BĐ3 2,14m, dưới mức lũ lịch sử năm 2003 (13,34m) 0,20m. Đỉnh lũ trên sông Dinh Ninh Hòa tại trạm Ninh Hòa là 6,77m (14 giờ ngày 20/11), trên BĐ3 1,07m, vượt mức lũ lịch sử năm 1986 (6,58m) 0,19m; đỉnh lũ trên sông Cái Phan Rang tại trạm Phan Rang là 4,85m (09 giờ ngày 20/11), trên mức BĐ3 0,35m. Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng rất nhanh. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 169%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 563%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 650%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 540%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao ở mức TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-250mm, có nơi trên 350mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Những ngày đầu tuần, dòng chảy trên các sông khả năng tăng cao sau giảm dần, lưu lượng dòng chảy thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn và sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn khoảng từ 33-51%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Sẽ xuất hiện một đợt lũ, đỉnh lũ ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên BĐ3. Lưu lượng dòng chảy trên các sông sẽ tăng nhanh. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn cao hơn so với TBNN 70% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 90%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 60-120mm, có nơi trên 150mm; riêng Đắk Lắk phổ biến 150-300mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ lớn, đỉnh lũ trên các sông phổ biến ở mức BĐ2-BĐ3 và trên BĐ3; hiện tại lũ ở hạ lưu sông Srêpôk vẫn đang lên. Lưu lượng trên các sông tăng cao trong giai đoạn này. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 57%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 197%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-100mm, có nơi trên 150mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng trên các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 64%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 244%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 56%

so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 33% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/12/2025.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Phùng Tiến Dũng', written in a cursive style with a long horizontal stroke at the end.

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 22 đến ngày 30/11/2025

Đơn vị: mm

[illegible]

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo										
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	24.4	>398	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Bái Thượng	14.4	>70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Thanh Hóa	2.8	<70	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Quỳ Châu	10.1	>16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Tương Dương	15.2	>112	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Đô Lương	24.6	>26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Vinh	57.8	>95	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Hương Sơn	60.3	>232	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Hương Khê	104	>119	0	0	0.2	0	0.1	0	0	0	0	0.5	<93
	Hà Tĩnh	210.8	>141	0	0.2	0.5	0	0.1	0	0	0	0	0	<100
	Đồng Hới	167.1	>180	0.3	6.9	4.5	1.3	0.9	0	0	0	0	0	<100
	Quảng Trị	133.7	>29	2.7	18.5	13.3	0.3	0.7	0.2	0	0	7.3	0	<100
	Nam Đông	398.8	>115	6.3	101.6	65.5	4	11.6	2.6	0	1.1	8.9	0	<100
	Huế	283.7	>65	4.7	63.3	53	1.3	3.2	0.2	0	0.2	1.6	0.4	<94
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung	Đà Nẵng	150.2	>28	16.7	117.5	66	3.2	5.4	0.2	0	0.9	2.9	0	<100
	Trà My	289.3	>25	29.3	31	88.8	13.7	26.6	0.7	0	11.9	1.8	0.1	<99
	Ba Tơ	281.4	>29	32.5	22.9	62	12.9	12	0.1	0	10.3	5.8	0	<100
	Quảng Ngãi	400.2	>205	32.5	22.9	62	8	11.8	0.1	0	13.9	2.1	0	<100
	Quy Nhơn	909.7	>712	18.7	9	35.7	11.9	7.3	0.9	7.7	13.4	26	0	<100

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo										
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Ngày 8	Ngày 9	Tổng	So sánh TBNN (%)
Bộ	An Khê	210.3	>162	3	2.5	6.2	0.4	0.1	0	2.3	5.4	6.2	0	<100
	Tuy Hòa	745.2	>537	19.2	6.3	16.7	8.6	3.4	0.2	3.3	50.9	62.7	0	<100
	Nha Trang	161	>62	15.3	4.7	6.3	7.7	0.5	2.7	20	117.5	16.5	0	<100
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	90.7	>730	0	0	0	0	0	0	0.1	2.2	0	0	<100
	Lắk	187	>627	1.7	0	0	1.5	1.6	2.2	48.9	21.6	4.3	0	<100
	Buôn Mê Thuột	202.2	>834	4.3	0.1	0.3	0.7	0.9	0.1	24.4	6.2	9.4	0.3	<99
	Biên Hòa	7.9	<51	3.8	6.2	1	15	0	0	29.8	14.2	38.7	0.8	<99
	Cần Thơ	94.7	>302	3.6	0.4	0	8.5	0	0	0	0	15.4	13.9	<78

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 22 đến ngày 30/11/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 15/09 đến 21/09	So sánh TBNN (%)	Dự báo										So sánh TBNN (%)
				22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	Tổng	
Thao	Yên Bái	362	>56	40	37	34	33	32	31.0	31	29	29	296	>13
Lô	Tuyên Quang	248	>0	43.2	42.3	41.5	39.7	38.9	37.2	37.2	36.3	36	353	>45
Đà	Hồ Hòa Bình	955	>70	95.0	99.4	97.6	86.4	89	84.7	86.4	90.7	95	824	>32
Hồng	Hà Nội	1098	>27	193	183	164	159	154	145	144	144	135	1421	>55
Cầu	Gia Bảy	36.1	>72	5.28	5.09	4.9	4.7	4.51	4.5	4.51	4.51	4.51	42.5	>115
Lục Nam	Chũ	8.89	>72	1.27	1.23	1.19	1.15	1.11	1.1	1.03	0.99	0.95	9.99	>75
Mã	Cắm Thủy	253	> 71	33.6	32.9	32.3	31.4	31.1	30.7	30.4	30.1	29.8	282	> 69
Cả	Yên Thượng	276	> 8	36.1	35.4	34.7	33.7	33.4	33.0	32.7	32.4	32.0	303	~ TBNN
La	Hòa Duyệt	194	> 100	20.2	19.8	19.4	18.8	18.7	18.5	18.3	18.1	17.9	170	> 42
Tả Trạch	Thượng Nhật	66.5	> 172	6	6.9	7.6	6.9	6.3	5.8	5.4	5	4.8	59	> 85
Thu Bồn	Nông Sơn	1845	> 180	121	131	138	125	114	107	95	82.1	77.8	1065	> 51
Trà Khúc	Sơn Giang	1573	> 239	75.2	82.9	99.4	79.5	76	71.7	67.4	63.9	60.5	730	> 33
Ba	Củng Sơn	3003	>563	130	104	95.0	86.4	82.1	79.5	77.8	104	130	887	>70
Cái N,T	Đồng Trăng	746	>650	34.6	25.1	13.8	11.2	10.4	9.5	8.64	13	34.6	161	>90
ĐăkBlá	KonTum	39.9	< 57	5	4.49	4.09	3.92	3.7	3.5	3.32	3.14	3	33.7	< 64

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 15/09 đến 21/09	So sánh TBNN (%)	Dự báo										So sánh TBNN (%)
				22/11	23/11	24/11	25/11	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11	Tổng	
Srêpôk	Giang Son	324	> 197	96.8	89	72.6	56.2	49.3	43.2	36.3	33.7	30.2	507	> 244
Tiền	Tân Châu			1944	1901	1832	1771	1702	1642	1581	1521	1452	15349	>56
Hậu	Châu Đốc			341	328	315	302	289	276	264	251	238	2603	>33